

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2019/DS-PT

Ngày 22-11-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay, hợp
đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc Th gồm có:

Th phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các Th phán: Ông Lâm Văn Be;
Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc Th công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2018/TLPT–DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ Th số 43/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc Th số 181/2019/QĐPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh (Có mặt.)

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1967; Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã Đ, xã Trường Đông, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Đặng Văn Th, bà Nguyễn Thị M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018 và lời trình bày của ông Huỳnh Văn D thể hiện như sau:

Ông có cho vợ chồng ông Đặng Văn Th, bà Nguyễn Thị M vay tiền và tham gia hụi, cụ thể:

Ngày 30/4/2017 âm lịch ông Th, bà M vay 44.000.000 đồng; ông Th, bà M ký tên và lặn tay trong giấy nợ; không thế chấp tài sản; lãi suất thỏa thuận 2%/tháng; thời hạn vay 03 tháng; ông Th, bà M vay tiền của ông để chi phí sang Hàn Quốc. Từ khi vay tiền đến nay ông Th, bà M chưa trả số tiền gốc, tiền lãi cho ông.

Ông Th, bà M có tham gia 01 phần dây hụi 2.000.000 đồng do ông làm chủ thảo. Dây hụi gồm 25 phần, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày 20/01/2016 âm lịch, mãn hụi ngày 20/12/2017 âm lịch. Trong danh sách hụi viên ghi tên bà M theo tên thường gọi là “Mai” ở số thứ tự 18, bà M hốt hụi ở kỳ thứ hai ngày 20/02/2016 âm lịch được số tiền 30.670.000 đồng. Bà M ký tên và lặn tay vào giấy nhận tiền hụi. Việc bà M tham gia hụi ông có nói cho ông Th biết. Bà M, ông Th hốt hụi để mở quán bán nước. Sau khi hốt hụi, bà M, ông Th góp lại được 14 kỳ, còn nợ lại 09 kỳ 18.000.000 đồng. Ông phải góp thay cho ông Th bà M 09 kỳ còn lại mỗi kỳ 2.000.000 đồng. Ông có đến nhà tìm ông Th, bà M nhiều lần để đòi nợ nhưng ông bà cố tình lẩn tránh.

Nay ông yêu cầu ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M (Mai) trả cho ông 18.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính lãi; trả cho ông 44.000.000 đồng tiền vay và tính lãi 2%/ tháng từ ngày vay 30/4/2017 âm lịch cho đến nay.

Trong quá trình thu thập chứng, do ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M không có mặt tại nhà. Qua xác minh Trưởng Ban quản lý ấp Trường Lưu và chị Nguyễn Thị Sa Ray là con dâu của ông Th, bà M ở gần nhà thể hiện ông Th, bà M hiện nay đang đi Hàn Quốc theo diện du lịch để thăm con gái thời gian 06 tháng, đi từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2018 về nước, ông bà có gửi nhà cho vợ chồng chị Sa Ray trông coi và thỉnh thoảng cũng có điện thoại về hỏi thăm nhưng không biết địa chỉ cụ thể của ông Th, bà M ở nước Hàn Quốc. Tòa án triệu tập ông Th bà M nhiều lần và giao các văn bản tố tụng cho ông Th, bà M theo thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 43/2018/DS –ST ngày 30-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D đối với ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn D số tiền gốc và tiền lãi là 77.521.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo ông Th bà M yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D vì trước khi ông bà đi nước ngoài đã thanh toán hết nợ cho ông D.

Tại phiên tòa phúc Th: Ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Th bà M xuất trình tờ “Giấy vay tiền đề ngày 30/4/2017” trong đó có nội dung “Khi vay tiền có thể chấp một giấy đất”. Ông bà xác nhận có vay tiền và tham gia hui như ông D trình bày, khi vay tiền ông bà có thể chấp cho ông D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà cho rằng đã trả hết khoản tiền vay cho ông D nên ông D trả lại Giấy vay tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Th phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Th phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với tiền hui: Ông Th bà M thừa nhận có tham gia hui do ông D làm chủ thảo và đã hót hui như lời trình bày của ông D là đúng. Bà M cho rằng ông bà góp hui đầy đủ cho ông D cho đến khi mãn hui, thời gian ông bà đi nước ngoài gửi tiền về cho con gái là Đặng Thị Mỹ Linh góp hui thay cho ông bà nhưng ông D không thừa nhận, ông Th bà M cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông bà. Do đó Tòa án cấp sơ Th chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D buộc bà M ông Th trả cho ông D 18.000.000 đồng tiền hui là có cơ sở.

[2] Đối với tiền vay: Tại phiên tòa phúc Th ông Th bà M cung cấp tờ giấy vay tiền đề ngày 30/4/2017 có nội dung như giấy vay tiền ông D cung cấp nhưng tờ giấy vay tiền ông Th cung cấp có thêm nội dung “Khi vay tiền có thể chấp một giấy đất”. Ông Th bà M trình bày ngày 26-12-2017 ông bà về Việt Nam đã trả cho ông D 44.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, ông bà đã trả xong tiền nợ nên ông D trả lại cho ông bà giấy nợ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất nhưng ông D không thừa nhận việc trả nợ cũng không thừa nhận có nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2019, ông Th bà M cho rằng khoản tiền 44.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 70.000.000 đồng. Như vậy lời khai của ông bà trước sau không thống nhất, cũng không có chứng cứ

chứng minh để xem xét. Ông bà xác nhận khi vay tiền giấy vay tiền do ông D viết, ông bà ký tên vào các tờ giấy vay tiền do ông D viết.

Tại kết luận giám định số 3545/C09B ngày 28-8-2019 của Phân viện khoa học hình sự của Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định nội dung “Khi vay tiền có thể chấp một giấy đất” trong tờ giấy vay tiền do ông Th bà M cung cấp không phải là chữ viết của ông D. Ông Th bà M kháng cáo cho rằng ông bà đã trả tiền cho ông D nhưng ông Th bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông bà nên Hội đồng không có cơ sở để xem xét. Do đó kháng cáo của ông bà không có căn cứ chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ Th.

[3] Về án phí: kháng cáo của ông Th bà M không được chấp nhận nên ông Th bà M phải chịu tiền án phí phúc Th theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[4] Chi phí tố tụng: Ông Đặng Văn Th, bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn D mỗi bên phải chịu 4.500.000 đồng chi phí giám định. Ông D đã nộp 9.000.000 đồng. Do đó, ông Th và bà M phải thanh toán lại cho ông D 4.500.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn Th, bà Nguyễn Thị M; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 43/2018/DS –ST ngày 30-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 27, 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

4.....C

hấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D đối với ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn D 18.000.000 đồng tiền hụi, 44.000.000 đồng tiền vay gốc, 15.521.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 77.521.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ Th:

Ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị M phải chịu 3.876.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn D 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019527 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc Th: Ông Đặng Văn Th, bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th bà M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012569 ngày 16-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông bà đã nộp xong khoản tiền này.

4. Chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Văn D phải chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận đã nộp xong.

Ông Đặng Văn Th, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ hoàn lại cho ông D 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC TH
TH PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H.;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

